TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 226 /2019/HS-ST
Ngày 09-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thụy Vân Hà và ông Dương Thanh Quý.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà*:** Ông Trần Trọng An, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 174/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **N**guyễn Thị Thanh T, sinh năm 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 48/5 đường X, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 336/10/12 đường I, phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1930 và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1945; bị cáo có chồng tên Hồ Thanh Đ, sinh năm 1967 và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị bắt tạm giam ngày 03/1/2019, có mặt.

2. Đặng Văn T1 (tên gọi khác: Tèo), sinh năm 1987 tại tỉnh Bến Tre; thường trú: 411 khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đặng Văn B, sinh năm 1960 và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; bị cáo có 04 anh em , bị cáo là thứ 2; tiền án, tiền sự: Không có. Bị bắt tạm giam ngày 03/01/2019, có mặt.

3. Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1986 tại tỉnh Trà Vinh; thường trú: Ấp B xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1961 và con bà Phan Thị Tuyết N, sinh năm 1964 ; bị cáo có vợ tên Kim Nguyễn Thanh H, sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không có. Bị bắt tạm giam ngày 03/1/2019, có mặt.

4. Lê Anh T3, sinh năm 1990; thường trú: Không; tạm trú: Phường 4, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông Lê Anh T, sinh năm 1960 (đã chết)

và con bà Lê Thị Lệ T (đã chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1995 (không có đăng ký kết hôn) và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có. Bị bắt tạm giam ngày 03/01/2019, có mặt.

5. Lê Hoàng P, sinh năm 1999 tại tỉnh Long An; thường trú: 1A S, phường 4, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Lê Hoàng L, sinh năm 1976 và con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1978; tiền án, tiền sự: Không có. Bị bắt tạm giam ngày 03/01/2019 đến ngày 01/02/2019 được hủy bỏ tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Đoàn H, sinh năm 1961; thường trú: 15/D2 C, Thành phố K, tỉnh Gia Lai, có mặt.

2. Ông Đoàn Quang D, sinh năm 1962; thường trú: Thôn Đ xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Đoàn Thị Bảo T4, sinh năm 1990; thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

2. Anh Trần Văn H, sinh năm 1975; thường trú: 21/10/32 khu phố 9, phường H, Thành phố H, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Hữu P1, sinh năm 1972; thường trú: 22/3 ấp L, xã Đ, huyện B, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

4. Anh Lê Văn T5, sinh năm 1978; thường trú: 305/41 đường V tổ 80 phường H, quận K, Thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

5. Chị Huỳnh Thị Ánh N, sinh năm 1972; thường trú: 228/1A đường I, phường 12, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

6. Chị Lê Thị D1, sinh năm 1983; thường trú: 36/4 đường 1, khu phố 5, phường P, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

7. Chị Huỳnh Ngọc Tú T6, sinh năm 1983; thường trú: 1359 đường H, phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Sun Tower kinh doanh lĩnh vực mua bán phôi gỗ có trụ sở tại số 336/9A đường Phan Huy Ích, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Thành viên công ty gồm có Đoàn Thị Bảo T4 là tổng giám đốc, Đoàn H và Đoàn Quang D giữ chức danh phó giám đốc, Nguyễn Thị Thanh T, Đặng Văn T1 là nhân viên công ty TNHH Sun Tower.

Cuối tháng 7/2018, công ty TNHH Sun Tower thỏa thuận (nói miệng) bán 120m^3 phôi gỗ tràm/tháng cho công ty TNHH Trọng Lễ có trụ sở tại ấp Thanh Bình, xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với giá 3.300.000 đồng/m^3. Đến ngày 01/8/2018, công ty TNHH Sun Tower ký hợp đồng kinh tế số 04/2018 HĐKT với ông Trần Văn H về việc đặt mua phôi gỗ Tràm với số lượng 120 m^3/ tháng giá thỏa thuận

là 3.000.000 đồng/m^3 để bán lại cho công ty TNHH Trọng Lễ . Sau khi ký hợp đồng, công ty TNHH Sun Tower phân công cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Đặng Văn T1 đến xưởng cưa của ông H nhận 26,4826 m^3 phôi gỗ Tràm với số tiền 79.447.800 đồng và vận chuyển giao cho công ty TNHH Trọng Lễ. Khoảng 01 tuần sau lấy lý do quy cách phôi gỗ Tràm đã lấy của ông H không đạt tiêu chuẩn, vi phạm hợp đồng nên bị cáo T, T1 không thanh toán số tiền trên và tự hủy hợp đồng. Sau đó công ty TNHH Sun Tower thanh toán 79.447.800 đồng cho ông Trần Văn H.

Để tìm nguồn gỗ tiếp tục cung cấp cho công ty TNHH Trọng Lễ, bị cáo T báo lại công ty TNHH Sun Tower biết nội dung sự việc đã cắt hợp đồng với ông Trần Văn H và đề xuất tự tìm nguồn phôi gỗ Tràm để cung cấp cho công try TNHH Trọng Lễ. Sau đó bị cáo T hợp đồng (thỏa thuận miệng) với ông Nguyễn Hữu P1 là người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH MTV Phước Ngân để đặt mua 86,0292 m^3 phôi gỗ Tràm với giá từ 2.950.000 đồng/m^3 đến 2.980.000 đồng/m^3 để bán cho công ty TNHH Trọng Lễ. Bị cáo T, T1 tự giao dịch với công ty TNHH MTV Phước Ngân không báo cho công ty TNHH Sun Tower biết.

Về phía công ty TNHH Trọng Lễ sau khi nhận 86,0292 m^3 phôi gỗ Tràm, đã thanh toán cho bị cáo T 300.000.000 đồng, nợ lại số tiền 60.450.947 đồng. Số tiền 300.000.000 đồng T sử dụng 140.000.000 đồng thanh toán cho công ty TNHH MTV Phước Ngân, 160.000.000 đồng T sử dụng chi trả trong giao dịch dân sự của công ty TNHH Sun Tower và sử dụng chi tiêu cá nhân cho bản thân. T nợ lại công ty TNHH MTV Phước Ngân số tiền 125.717.623 đồng.

Đầu tháng 11/2018, Trúc yêu cầu công ty TNHH Trọng Lễ thanh toán số tiền 60.450.947 đồng còn lại thì biết công ty TNHH Trọng Lễ đã chi trả cho ông Đoàn H số tiền 60.450.947 đồng. Cho rằng số tiền này dùng để thanh toán cho công ty TNHH MTV Phước Ngân nên bị cáo T, T1 và công ty TNHH Sun Tower mâu thuẫn tranh chấp số tiền 60.450.947 đồng. Cũng trong thời gian này bị cáo T, T1 tự ý nghỉ việc ở công ty TNHH Sun Tower.

Tháng 12/2018, công ty TNHH Sun Tower chuyển về địa chỉ tổ 27, khu phố Chiêu Liêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An. Lúc này, bị cáo T, T1 nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho ông H và ông D chửi bới, đòi tiền. Bị cáo T, T1 đi tìm biết địa chỉ mới công ty TNHH Sun Tower.

Khoảng 09 giờ ngày 03/01/2019, bị cáo T, T1 hẹn gặp nhau tại quán cà phê trên đường Phan Huy Ích, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Lúc này T và T1 bàn bạc rủ thêm người đi đến trụ sở công ty TNHH Sun Tower gặp ông H, ông D để yêu cầu trả số tiền 60.450.947 đồng. Bị cáo T1 điện thoại cho bị cáo Nguyễn Thanh T2 nhờ T2 đi đòi nợ, T2 rủ thêm các bị cáo Lê Anh T3, Lê Hoàng P đi cùng. Khoảng 17 giờ cùng ngày bị cáo T2, T3, P gặp nhau tại phòng trọ bị cáo T1. Tại đây, bị cáo T1 kể lại cho tất cả biết việc trong quá trình làm ăn đã bị ông D và ông H giật số tiền khoảng 70.000.000 đồng và nhờ tất cả đến trụ sở công ty ông D, ông H gây áp lực đòi nợ. Khoảng 30 phút sau T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu trắng xám biển số 59X2 – 742.76 đến phòng trọ bị cáo T1 rồi cùng đi. Khi đi bị cáo T1 điều khiển xe mô tô biển số 59X2 – 742.76 chở T, bị cáo T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvias, biển số 59H1 – 049.89, bị cáo T3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade biển số 43G1 – 167.80 chở bị cáo P. Trên đường đi bị cáo T3 đưa cho P giữ 02 thanh kim loại màu trắng bạc, mỗi thanh dài 35cm, một đầu được mài nhọn và nói P " khi đến đòi nợ thì giữ hung khí này và cảnh giới, trông coi xe". Bị cáo T3 để sẵn trong cốp xe biển số 43G1 – 167.80 một cây roi điện màu đen dài 20 cm có hình dạng giống cây đèn pin, 01 con dao bấm màu đen dài 20 cm. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày các bị cáo T, T1, T2, T3 và P đến trước văn phòng công ty TNHH Sun Tower.

Tại đây, T đi bộ bên hông văn phòng để ra dãy trọ phía sau tìm ông D và ông H, T3 mở cốp xe mô tô biển số 43G1 – 167.80 lấy con dao bấm và đưa cây roi điện cho T2, P giữ 02 thanh kim loại và đứng trước văn phòng công ty TNHH Sun Tower để trông giữ xe. Bị cáo T1, T2, T3 đi vào bên trong văn phòng tìm ông D và ông H, vừa đi T1 lớn tiếng chửi tục, gọi tên ông D và ông H, yêu cầu trả tiền. Ông H đi từ phía trong văn phòng công ty lên và bỏ chạy ra ngoài thì bị T1, T2, T3 chặn lại. T1 xông đến đóng cửa bên hông văn phòng công ty, T3 đóng cửa ngăn phòng khách và phòng bên trong lại. Bị cáo T2 xông đến dùng roi điện chích 01 nhát trúng vào mặt trong bắp tay trái ông H gây ửng đỏ da. Bị cáo T1, T2, T3 không cho ông Hiền bỏ chạy mà xô đẩy, bắt ông H ngồi xuống ghế nói chuyện. Cùng thời điểm này bị cáo T tìm thấy ông D và chị Đoàn Thị Bảo T4 đang ở phòng trọ phía sau nên yêu cầu lên văn phòng nói chuyện.

Tại văn phòng công ty TNHH Sun Tower, ông D và ông H ngồi trên ghế sô pha, chị T4 đứng gần đó còn các bị cáo T3, T2, T1, T đứng vây quanh. Ông H, ông D giải thích về số tiền 60.450.947 đồng nhưng bị cáo T1 chửi tục " Đ.M hai ông sai mà chạy trốn bọn tôi hả, không trả tiền mà bỏ trốn lên đây, tưởng trốn được tôi hả, thằng nào lấy số tiền 60.000.000 đồng từ Trọng Lễ thì đưa ra đây, tao chém chết mẹ". T1 đứng trước cửa văn phòng hô to " ĐM, bà con ơi, hai thằng già này thiếu nợ bỏ trốn lên đây nè ", bị cáo T cầm ly trà bằng gốm sứ giơ lên dọa đánh ông H và ông D và đập ly vào bàn làm bể 02 cái dĩa uống trà. Lúc này, bị cáo T đe dọa không cho chị T4 gọi điện báo Công an và nói "tiền bạc của tôi ông tính như thế nào? tôi chỉ lấy 65.000.000 đồng còn tiền công tôi bỏ, đưa tao con dao để tao đâm chết mẹ hai thằng già này" T chạy ra mở cốp xe biển số 59X2 – 742.76 tìm dao nhưng không có, bị cáo T2 cầm roi điện và nói " hai ông thiếu 70.000.000 đồng bây giờ hai ông có trả không? rồi sao, bây giờ hai ông có chịu trả tiền không thì nói một tiếng, không nói nhiều. Đồng thời bị cáo T3 cầm dao trên tay phải và bấm cho mũi dao bật lên xuống. Thời điểm này bị cáo P đứng trước cửa văn phòng công ty cảnh giới, trông giữ xe và giữ 02 thanh kim loại.

Thời điểm này ông H ngồi không phản ứng, ông D nói "qua ngày hôm sau sẽ chuyển khoản trả tiền" nhưng bị cáo T không đồng ý, T yêu cầu ông D "phải viết giấy cam kết trả nợ" và T lấy 01 quyển tập học sinh đưa ông D tự viết với nội dung "tôi Đoàn Quang D, tôi hứa ngày mai 5 giờ chiều tôi sẽ chuyển trả cho cô T 60.000.000 đồng" T yêu cầu ông D sửa lại phải trả số tiền là 65.000.000 đồng, bị cáo T1 yêu cầu ông D lấy giấy chứng minh và sử dụng điện thoại của mình chụp lại. Sau đó bị cáo T giữ quyển tập nói trên rồi cùng bị cáo T1, T2, T3, P ra xe đi về thì bị Công an phường Tân Đông Hiệp đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu WiKo màu vàng có 02 sim điện thoại số 0934.812.187 và 0923.419.653; 01 cây roi điện màu đen dài 20 cm; 02 thanh kim loại màu trắng bạc được mài nhọn, mỗi thanh dài 35cm; 01 con dao bấm dài 20 cm và 02 đĩa gốm sứ màu xanh đã bị bể .

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo T, T1, T2, T3 và P chưa chiếm đoạt được tài sản của ông H, ông D. Ông H bị T2 dùng roi điện chích vào người ông H không bị thương tích và không yêu cầu bồi thường.

Cáo trạng số 200/CT-VKS ngày 30/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Đặng Văn T1, Nguyễn Thanh T2, Lê Anh T3 và Lê Hoàng P tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Đặng Văn T1 từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Nguyễn Thanh T2, Lê Anh T3 từ 2 năm đến 3 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hoàng P từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 3 năm đến 4 năm.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước điện thoại di động nhãn hiệu WiKo. Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại; 01 cây roi điện màu đen dài 20 cm; 02 thanh kim loại màu trắng bạc được mài nhọn, mỗi thanh dài 35cm; 01 con dao bấm dài 20 cm và 02 đĩa gốm sứ màu xanh đã bị bể .

Các bị cáo không tranh luận, không bào chữa cho hành vi phạm tội. Người bị hại Đoàn H đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng:

Nguyễn Thị Thanh T: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, bị cáo xin được xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất.

Đặng Văn T1: Bị cáo rất ăn năn hối hận việc mình làm, bị cáo xin được giảm nhẹ mức án thấp nhất.

Nguyễn Thanh T2; Lê Anh T3: Không nói lời sau cùng.

Lê Hoàng P: Bị cáo hối hận việc mình làm, bị cáo xin được giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ xác định các bị cáo phạm tội: Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang ngày 03/01/2019, vật chứng thu giữ, lời khai các bị hại, lời khai các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thể hiện vào khoảng 18 giờ ngày 03/01/2019 các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Đặng Văn T1, Nguyễn Thanh T2, Lê Anh T3 và Lê Hoàng P đã chuẩn bị 01 cây roi điện màu đen dài 20 cm; 02 thanh kim loại màu trắng bạc được mài nhọn, mỗi thanh dài 35cm; 01 con dao bấm dài 20 cm đến gặp ông Đoàn H, Đoàn Quang D tại địa chỉ tổ 27 khu phố Chiêu Liêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương để đòi tiền. Tại đây bị cáo T2 dùng roi điện chích vào tay ông Đoàn H, bị cáo T1 chửi tục, hăm dọa, dùng tay cầm ly trà bằng gốm sứ giơ lên dọa đánh ông H và ông D, đập ly vào bàn làm bể 02 cái dĩa đựng ly uống trà. Bị cáo T có lời lẽ đe dọa đâm ông H, ông D, bị cáo T3 cầm dao trên tay phải bấm cho mũi dao bật lên xuống, bị cáo P đứng trước cửa văn phòng công ty cảnh giới, trông giữ xe và giữ 02 thanh kim loại. Mục đích của các bị cáo ép buộc ông H, D phải trả nợ, khi ông D, H khất nợ, bị cáo T buộc ông D phải viết giấy cam kết trả nợ vào 5 giờ chiều ngày 04/01/2019 với số tiền 65.000.000 đồng, liền sau đó tất cả các bị cáo bị bắt giữ. Như vậy, hành vi dùng vũ lực, lời nói khống chế buộc ông H, D phải trả khoản tiền 65.000.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 200/CT– VKS ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của

Kiểm sát viên đối với các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo T, T1, T2, T3, P thực hiện là rất nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 10 năm tù, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm về sức khỏe, tinh thần, tài sản của ông H, ông D. Các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, hành vi trên gây hoang mang cho quần chúng nhân dân lao động, làm bất ổn an ninh trật tự địa bàn dân cư. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn do không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án bị cáo T, T1 là người giữ vai trò chính, bị cáo T1 rủ bị cáo T2, bị cáo T3 rủ bị cáo T3 và P cùng tham gia, các bị cáo cùng tham gia với vai trò người thực hành. Do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét cụ thể đến vai trò, mức độ tham gia của từng bị cáo để có mức hình phạt tù phù hợp.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T, T1, T2, T3 và P phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại về tài sản; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T có cha ruột được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3, bị cáo T1 có cha ruột được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo T, T1, T2, T3 và P có nhân thân tốt thể hiện các bị cáo không có tiền án, tiền sự, các bị cáo nhất thời phạm tội.

[5] Bị cáo Nguyễn Thanh T2, Lê Anh T3 phạm tội do bị cáo T1 rủ rê lôi kéo, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò có phần hạn chế. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt mức án dưới khung hình phạt cho bị cáo T2, T3.

[6] Bị cáo Lê Hoàng P bị truy tố theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt đến 10 năm tù thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu như đứng cảnh giới, trông giữ xe, giữ hai thanh kim loại, bị cáo không tham gia vào việc đe dọa đối với ông H, ông D, lần phạm tội này là lần đầu đối với bị cáo. Do vậy, bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng) khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét tính chất, mức độ tội phạm và nhân thân bị cáo Phúc có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do các bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản, bị hại H, D không yêu cầu bồi thường khoản tiền nào khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[8] Vật chứng thu giữ: Đối với điện thoại di động nhãn Wiko cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với 02 sim điện thoại, 01 cây roi điện màu đen dài 20

cm; 02 thanh kim loại màu trắng bạc được mài nhọn, mỗi thanh dài 35cm; 01 con dao bấm dài 20 cm và 02 đĩa gốm sứ màu xanh các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với hành vi sử dụng công cụ hỗ trợ cây roi điện màu đen dài 20 cm không có giấy phép của bị cáo Nguyễn Thanh T2, Lê Anh T3. Công an thị xã Dĩ An đã xử phạt hành chính T2, T3 mỗi bị cáo 3.000.000 đồng là phù hợp.

[10] Đối với quan điểm của Đại diện viện kiểm sát đưa ra về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng, nhân thân và mức hình phạt đối với các bị cáo. Xét, quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[11] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[12] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Đặng Văn T1, Nguyễn Thanh T2, Lê Anh T3 và Lê Hoàng P phạm tội Cưỡng đoạt tài sản.

1.1 Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170, điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 03 (ba) năm tù.

1.2 Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170, điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T1 03 (ba) năm tù.

1.3 Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

1.4 Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Anh T3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Đặng Văn T1, Nguyễn Thanh T2, Lê Anh T3 tính từ ngày bắt giam 03/01/2019.

1.5 Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng P 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Hoàng P cho Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi Hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

2.Các biện pháp tư pháp

Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Wiko màu vàng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 sim điện thoại điện thoại có số 0934.812.187 và 0923.419.653; 01 cây roi điện màu đen dài 20 cm; 02 thanh kim loại màu trắng bạc được mài nhọn, mỗi thanh dài 35cm; 01 con dao bấm dài 20 cm và 02 đĩa gốm sứ màu xanh đã bị bể (vỡ).

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/6/2019.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Đặng Văn T1, Nguyễn Thanh T2, Lê Anh T3 và Lê Hoàng P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD**;**
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; bị hại; người có qlnvlq;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Linh